TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐA** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2023/DS-ST
Ngày: 06/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Trung Trực.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Hữu Đệ**
2. Bà **Nguyễn Thị Mai**

- Thư ký phiên toà: Ông **Thịnh Quang Trung** – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện ĐA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Doãn Hải** - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện ĐA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 06 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2023/QĐST-DS ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank).** Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dg – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn Ah - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị H là chuyên viên xử lý nợ.

2. Bị đơn: Anh **Phan Văn H1**, sinh năm 1989 và chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990. Cùng trú tại: Thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu **Phan Bảo T**, sinh ngày 13/01/2012 (con anh H1, chị L).

3.2. Cháu **Phan Anh K**, sinh ngày 09/10/2015 (con anh H1, chị L).

Cùng trú tại: Thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Người đại diện hợp pháp cho cháu T và cháu K là: Anh **Phan Văn H1**, sinh năm 1989 và chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990. Cùng trú tại: Thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội

Tại phiên tòa có mặt: Bà H

Tại phiên tòa vắng mặt: Anh H1, chị L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023, những lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:*

- Ngày 22/9/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi là Ngân hàng VPBank), Địa chỉ: tầng 1, tháp 1, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 phố Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội là bên cho vay và anh Phan Văn H1, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. Cùng cư trú tại: Thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã ký Hợp đồng tín dụng số **9317527** với nội dung quy định về số tiền cho vay, lãi suất vay, thời hạn vay và các kỳ trả nợ, cụ thể: Thời hạn vay: 120 tháng; Số tiền vay: 214.000.000 đồng; Mục đích vay: vay mua trang thiết bị gia đình; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 12.0%/năm, lãi suất này được cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân, hết thời hạn 06 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2017, mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi Bán vốn của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh công (+) Biên độ 5.0%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngày 22/9/2016, Ngân hàng VPBank đã giải ngân cho anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L tổng số tiền vay là: **214.000.000 đồng**. Anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L đã trả lãi cho Ngân hàng VPBank đến hết ngày 24/01/2022 và trả được 112.329.000 đồng tiền số tiền nợ gốc. Ngày 25/01/2022, anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi cho phía Ngân hàng VPBank nên căn cứ theo nội dung tại Điều 7 của Hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên, khoản vay của anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25/01/2022. Tính đến ngày 10/7/2023 anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng VPBank số tiền theo hợp đồng tín dụng nêu trên số tiền là: Số tiền nợ gốc: **101.671.000** đồng; Số tiền nợ lãi trong hạn: **1.581.468** đồng; Số tiền nợ lãi quá hạn: **28.201.403** đồng. Tổng cộng là **131.453.871** đồng.

- Ngoài khoản vay trên, ngày 14/4/2017, anh Phan Văn H1 còn ký với Ngân hàng VPBank Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử với nội dung: Hạn mức đề nghị: 69.000.000 đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; Lãi suất trong hạn 2,49%/tháng, 29,88%/năm (được cố định trong suốt thời hạn vay); Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện đúng thỏa thuận ngày 25/10/2017, Ngân hàng VPBank đã cấp cho anh Phan Văn H1 01 thẻ tiêu dùng trị giá 69.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ: anh Phan Văn H1 đã sử dụng hết 42.999.157 đồng. Anh H1 vay để tiêu dùng là để sử dụng cho gia đình nên phía Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh H1 và chị L phải trả cho phía Ngân hàng VPBank khoản tiền này,

Ngày 25/02/2022, anh H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi cho phía Ngân hàng VPBank theo thỏa thuận nêu trên nên đã chuyển sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 10/7/2023, anh Phan Văn H1 còn nợ Ngân hàng VPBank số tiền là: số tiền nợ gốc: 42.999.157 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn: 26.445.772 đồng. Tổng cộng là: 69.444.929 đồng.

Tổng cộng cả 02 khoản vay: anh Phan Văn H1, chị Nguyễn Thị L nợ Ngân hàng VPBank tính đến hết ngày 10/7/2023 là: số tiền nợ gốc: **144.670.157** đồng; số tiền nợ lãi trong hạn: **1.581.468** đồng; số tiền nợ lãi quá hạn: **54.647.175** đồng. Tổng cộng là **200.898.800** đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử, Ngân hàng VPBank đã thực hiện đúng cam kết theo thỏa thuận nhưng anh H1 và chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng VPBank dù phía Ngân hàng VPBank đã nhiều lần yêu cầu anh H1, chị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, căn cứ theo nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử đã ký kết nêu trên, khoản vay của anh H1, chị L đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 20/9/2016 anh H1 đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37e, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 743769, số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA05102 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2016 mang tên anh Phan Văn H1 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội, số công chứng: 2850/2016; Quyển số: 03-2016TP/CC-SCC/HĐGD. Phạm vi bảo đảm: toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất các nghĩa vụ tài chính khác của bên vay đối với Ngân hàng VPBank (theo khoản 1 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp).

Nay Ngân hàng VPBank khởi kiện anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

- Buộc anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng VPBank toàn bộ số tiền số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi quá hạn, số tiền nợ lãi trong hạn, phạm chậm trả lãi tính đến ngày 10/7/2023 của 02 khoản nợ tổng cộng là: **200.898.800** đồng, trong đó, số tiền nợ gốc: **144.670.157** đồng; số tiền nợ lãi trong hạn: **1.581.468** đồng; số tiền nợ lãi quá hạn: **54.647.175** đồng và số tiền nợ lãi, phí phát sinh tính từ ngày 11/7/2023 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử cho đến thời điểm anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng VPBank.

- Đề nghị Tòa án tuyên trong Bản án nội dung: Ngân hàng VPBank có quyền tự mình hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng VPBank là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37e, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: thôn H

Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 743769, số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA05102 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2016 mang tên anh Phan Văn H1 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

** Đối với bị đơn là anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L:* Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập đến Tòa án để tham gia tố tụng và tranh tụng nhưng anh H1, chị L đều không có mặt, không có lời khai, không tham gia các giai đoạn tố tụng của vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án không lấy được ý kiến của anh Phan Văn H1, chị Nguyễn Thị L.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như nêu trên và đưa ra yêu cầu số tiền đến ngày xét xử đề nghị Bị đơn phải trả. Bị đơn là nh Phan Văn H1, chị Nguyễn Thị Lvắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện ĐA tham gia phiên tòa phát biểu:

- *Về tố tụng:* Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp luật của những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đối với yêu cầu của Nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐA nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền là **200.898.800** đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc: **144.670.157** đồng; số tiền nợ lãi trong hạn: **1.581.468** đồng; số tiền nợ lãi quá hạn: **54.647.175** đồng và tiền lãi, phí phát sinh trên dư số tiền nợ gốc kể từ ngày 11/7/2023 cho đến khi anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử mà anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L đã ký với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ theo yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Và quyết đinh về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện yêu cầu anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L thanh toán số tiền nợ và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử và Hợp đồng thế chấp tài sản nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại huyện ĐA, thành phố Hà Nội, không phải là hộ có đăng ký kinh doanh do vậy, Tòa án nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án dân sự theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Qua việc xem xét, thẩm định tại chỗ và ý kiến của chính quyền xác nhận hiện nay trên thửa đất số 37e, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội mang tên anh Phan Văn H1 hiện nay gồm có 04 người đang quản lý, sử dụng là: Anh Phan Văn H1, chị Nguyễn Thị L, cháu Phan Bảo T, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Phan Anh K, sinh ngày 09/10/2015, ngoài ra không còn ai khác. Vì vậy, Tòa án đưa cháu Phan Bảo T, sinh ngày 13/01/2012 và cháu Phan Anh K, sinh ngày 09/10/2015 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và anh Phan Văn H1, chị Nguyễn Thị L là người đại diện hợp pháp cho cháu Phan Bảo T và cháu Phan Anh K. Tại phiên tòa ngày hôm nay, Bị đơn, người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn H1, chị Nguyễn Thị L dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh H1, chị L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của ngân hàng từ năm 2018, nội dung hình thức của giao dịch dân sự trên phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đến Tòa án. Vì vậy, pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi năm 2017.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hợp đồng tín dụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả nguyên đơn tổng số tiền là **200.898.800** đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc: **144.670.157** đồng; số tiền nợ lãi trong hạn: **1.581.468** đồng; số tiền nợ lãi quá hạn: **54.647.175** đồng theo Hợp đồng tín dụng số 9317527 ngày 22/9/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 14/4/2017 và tiền lãi, phí phát sinh trên dư số tiền nợ gốc kể từ ngày 11/7/2023 cho đến khi bị đơn thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng, xét thấy:

- Hợp đồng tín dụng số 9317527 ngày 22/9/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử có nội dung: Thời hạn vay: 120 tháng; Số tiền vay: 214.000.000 đồng; Mục đích vay: vay

mua trang thiết bị gia đình; Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 12.0%/năm. Lãi suất này được cố định trong 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 06 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi Bán vốn của Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh công (+) Biên độ 5.0%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 14/4/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và anh Phan Văn H1 có nội dung: Hạn mức đề nghị: 69.000.000 đồng; mục đích vay: vay tiêu dùng; Lãi suất trong hạn 2,49%/tháng, 29,88%/năm (được cố định trong suốt thời hạn vay); Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện đúng thỏa thuận ngày 25/10/2017, Ngân hàng Vpbank đã cấp cho anh Phan Văn H1 01 thẻ tiêu dùng trị giá 69.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ: anh Phan Văn H1 đã sử dụng hết 42.999.157 đồng. Ngày 25/02/2022, anh H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi cho phía Ngân hàng VPBank theo thỏa thuận nêu trên nên đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/7/2023, anh Phan Văn H1 còn nợ Ngân hàng VPBank số tiền là: số tiền nợ gốc: 42.999.157 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn: 26.445.772 đồng. Tổng cộng là: 69.444.929 đồng. Xét anh H1 vay để tiêu dùng là để sử dụng cho gia đình nên phía Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc anh H1 và chị L phải trả cho phía Ngân hàng Vpbank khoản tiền này là phù hợp quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của phía Ngân hàng Vpbank cần buộc anh H1 và chị L phải trả số tiền nợ trên cho Ngân hàng.

Đến nay, bị đơn chưa thanh toán được cho nguyên đơn số tiền số tiền nợ gốc tổng cộng của 02 khoản vay tính đến ngày 10/7/2023 là **200.898.800** đồng và khoản lãi phát sinh của số tiền này, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Khi ký kết hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử những người đã ký kết đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử như trên là phù hợp với Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 nên được chấp nhận.

[4.2] Về hợp đồng thế chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Ngân hàng VPBank có quyền tự mình hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không trả nợ đúng hạn, xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 20/9/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và anh

Phan Văn H1 đã được công chứng, có số công chứng: số công chứng: 2850/2016; Quyển số: 03-2016TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 21/9/2016 thể hiện tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 37e, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 743769, số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA05102 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2016 mang tên anh Phan Văn H1.

Hợp đồng thế chấp số công chứng: 2850/2016 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội. Anh H1 đã tự nguyện đem tài sản nói trên thế chấp cho Ngân hàng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho anh H1, chị L đối với các khoản số tiền nợ gốc, số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản phí và chi phí khác phát sinh nếu có. Như vậy, hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Vì vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Nguyên đơn phù hợp pháp luật, được chấp nhận.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 299, 466, 468, 470, 317, 318 và 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đối với anh Phan Văn H1, chị Nguyễn Thị L về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 9317527 ngày 22/9/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử đối với anh Phan Văn H1. Cụ thể như sau:

- Buộc anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 9317527 ngày 22/9/2016 là: Số tiền nợ gốc: **101.671.000** đồng; Số tiền nợ lãi trong hạn: **1.581.468** đồng; Số tiền nợ lãi quá hạn: **28.201.403** đồng. Tổng cộng là **131.453.871** đồng.

- Buộc anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền tính đến ngày 10/7/2023 theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử đối với anh Phan Văn H1 là: số tiền nợ gốc: 42.999.157 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn: 26.445.772 đồng. Tổng cộng là: 69.444.929 đồng.

Kể từ ngày 11/7/2023, anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 9317527 ngày 22/9/2016 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ Ngân hàng điện tử.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L không trả đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 37e, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: thôn H Dưỡng, xã Kim Chung, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 743769, số vào sổ cấp GCN: CS-ĐA05102 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/7/2016 mang tên anh Phan Văn H1. Hợp đồng thế chấp có số công chứng: 2850/2016; Quyển số: 03-2016TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội ngày 20/9/216 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

2. Về án phí: Anh Phan Văn H1 và chị Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.045.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng). Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng 4.815.000 đồng (bốn triệu, tám trăm mười năm nghì đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006570 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 9A Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trung Trực

Nơi nhận:
- *VKSND ĐA.*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Chi cục THADS huyện ĐA;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*